

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 151/2019/HS-ST.
Ngày: 27 - 11 -2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 174/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985 tại Đồng Nai; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp X , xã L , huyện L , tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 11/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1952 và bà Huỳnh Thị B , sinh năm 1953; Chưa có vợ con.

Tiền án: + Ngày 24/02/2003, bị Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự (Bản án số 72/HSST ngày 24/02/2003). Chấp hành xong ngày 01/07/2004.

+ Ngày 22/3/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 13 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 3 Điều 133 của Bộ luật hình sự (Bản án số 76/2006/HSST ngày 22/3/2006). Chấp hành xong ngày 09/3/2016.

Tiền sự: Ngày 09/10/2017, bị Tòa án nhân dân huyện N , tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện. Chấp hành xong ngày 18/01/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/10/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

2. **Lê Minh P** (tên gọi khác: Cu Pốc), sinh năm 1981 tại Đồng Nai; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp Đ , xã L , huyện L , tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 5/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Văn H , sinh năm 1956 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1957; có vợ tên Lê Thị Thu Th , có 01 con sinh năm 2017;

Tiền án: Ngày 04/7/2001, bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 10 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản (Bản án số 38/HSST ngày 04/7/2001, Quyết định đình chỉ xét xử P thẩm số 188/QĐĐC ngày 31/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai). Chấp hành xong ngày 15/3/2002. Đến nay về phần dân sự thì bị cáo vẫn chưa bồi thường xong.

Tiền sự: Ngày 18/4/2005, bị Chủ tịch Ủy ban nhân huyện L ra Quyết định số 887/QĐ-CT.UBH đưa vào trung tâm chữa bệnh Xuân Phú với thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng P chưa thi hành do bỏ trốn.

Nhân thân: + Ngày 30/3/2005, bị Công an huyện L xử phạt hành chính 200.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong.

+ Ngày 22/12/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự (Bản án số 381/2006/HSST ngày 22/12/2006 và bản án P thẩm số 322/2007/HSPT ngày 23/3/2007 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh). Chấp hành xong ngày 25/01/2016.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2019 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

- *Bị hại:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp X , xã L , huyện L , Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trương Tuấn A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp L , xã T , thành phố B , tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo có mặt; bà H, anh Tuấn A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ và Lê Minh P là bạn bè với nhau, đều là người sử dụng ma túy. Lúc 16 giờ ngày 04/9/2019, Đ gọi điện thoại rủ P đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản, P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô biển số 60V1 – 8212 chở Đ ngồi phía sau từ xã L1 đi đến xã L, huyện L. Khi đi đến quán bán đồ ăn sáng của bà Đỗ Thị Hiếu M thuộc ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai thì Đ và P nhìn thấy trước quán có dựng một chiếc xe mô tô biển số 95E1 – 302.32 của bà Phan Thị H không người trông coi, trên xe có sẵn chìa khóa. Đ nói P quay lại dừng xe cách khoảng 10m. Đ đi bộ đến vị trí dựng xe dắt xe ra đường và nổ máy bỏ chạy, còn P điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Sau đó, cả hai điều khiển xe mô tô trên cát giấu trong vườn trà ở xã L1 rồi ra về. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, một mình Đ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đi đến vị trí cất giấu xe, dùng mỏ lết tháo biển số 95E1 – 302.32 vứt đi rồi lắp biển số khác vào. Đến khoảng 22 giờ, Đ, P và Loan (không rõ nhân thân lai lịch, là bạn gái của Đ) mang xe mô tô trộm cắp được đến cầm cho anh Trương Tuấn A ở ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với giá 10.000.000 đồng. Anh Tuấn A không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Số tiền cầm xe được, Đ và P cùng nhau chơi game bắn cá thua hết 4.000.000 đồng, còn lại Đ và P chia nhau mỗi người hưởng 3.000.000 đồng. Sau đó P điều khiển xe mô tô biển số 60V1 – 8212 chở Đ và Loan về nhà. Khoảng 20 phút sau, P tiếp tục chở Đ lên tiệm máy bắn cá của Tuấn A chơi và thua hết số tiền được chia. Sau khi thua hết tiền, Đ và P tiếp tục cầm xe này thêm số tiền 5.000.000đ rồi chơi bắn cá hết số tiền trên. Đến ngày 12/9/2019 P bị bắt, ngày 06/10/2019 thì Đ bị bắt.

Ngoài ra, Đ còn khai nhận thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Long Thành, tuy nhiên chưa xác định được bị hại nên Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành điều tra xác minh xử lý sau.

Đối với người phụ nữ tên Loan có hành vi cùng giúp Đ đi cầm cổ xe do phạm tội mà có nhưng hiện không rõ tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành điều tra xác minh xử lý sau.

Trước cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 211/CT-VKSLT ngày 15/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015); Bị cáo Lê Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát là đúng người,

đúng pháp luật. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo như tại cáo trạng.

Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 95 E1 – 302.32 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã thu hồi trả lại cho bị hại. Còn 01 xe mô tô biển số 60V1 – 8212 hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục tạm giữ xác minh xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phan Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Tuấn A không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Đ: Không có; Đối với bị cáo P: Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo Lê Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Minh P mức án từ 16 đến 18 tháng tù;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại bà Phan Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và đại diện Viện kiểm sát đề nghị vẫn tiến hành xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H và anh Tuấn A.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Đ và bị cáo P đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, nên có cơ sở

xác định: Lúc 16 giờ ngày 04/9/2019, tại ấp X , xã L, huyện L , các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 95E1 – 302.32 của bà Phan Thị H có trị giá 18.000.000 đồng. Sau đó, đem cầm cố cho anh Trương Tuấn A được 15.000.000 đồng, các bị cáo sử dụng số tiền này vào việc chơi game bắn cá thua hết. Đối với bị cáo Đ đã có hai tiền án chưa được xóa án tích nay bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; Đối với bị cáo P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nhưng lại lười lao động, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Đ là người khởi xướng, rủ rê bị cáo P, bị cáo đã có hai tiền án; còn bị cáo P là người trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm cùng với bị cáo Đ, lẽ ra khi nghe bị cáo Đ rủ rê đi trộm cắp, bị cáo phải từ chối và khuyên ngăn bị cáo Đ từ bỏ ý định phạm tội nhưng ngược lại bị cáo đã đồng ý và tích cực tham gia thực hiện tội phạm, bị cáo cũng đã có một tiền án, nhân thân xấu. Như vậy, các bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử nhiều lần nhưng vẫn không sửa chữa sai lầm mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo nên đối với các bị cáo cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Bị cáo Đ phải nhận mức án nghiêm khắc hơn bị cáo P.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Đ: Không có; Đối với bị cáo P: Áp dụng tình tiết tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo P có giao nộp bản sao Quyết định của Giám đốc Sở lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai về việc trợ cấp một lần đối với người có công giúp đỡ cách mạng cho bà Nguyễn Thị Lâm, sinh năm 1957, địa chỉ: xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai để xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo cho rằng bà Lâm là mẹ ruột của bị cáo, do khi làm hồ sơ hưởng trợ cấp thì bị sai tên. Xét thấy, theo lời khai của bị cáo tại phần kiểm tra căn cước tại phiên tòa và tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án thể hiện mẹ ruột của bị cáo P là bà Nguyễn Thị Lành. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai của bị cáo và tài liệu, chứng cứ này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Tuấn A không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô biển số 95 E1 – 302.32 cho bị hại bà Phan Thị H là đúng pháp luật. Còn 01 xe mô tô biển số 60V1 – 8212 hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long thành tiếp tục tạm giữ xác minh xử lý sau.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 06/10/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Minh P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/9/2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H.Long Thành;
- VKSND T. Đồng Nai;
- Công an H.Long Thành;
- Nhà tạm giữ CA H.Long Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHA H.Long Thành;
- Sở tư pháp T.Đồng Nai.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa